

Số: 652/QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định Phòng đo kiểm

BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông và Nghị định số 50/2011/NĐ-CP ngày 24/6/2011 về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 187/2007/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT ngày 01/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) quy định về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định phòng đo kiểm:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN 2
Thuộc: CỤC VIỄN THÔNG

đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chỉ định phòng đo kiểm phục vụ công tác quản lý chất lượng thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-BBCVT với danh mục được chỉ định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Phòng đo kiểm có tên tại Điều 1 phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu đối với phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Cục trưởng Cục Viễn thông, Phòng đo kiểm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *AL*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Trung tâm Thông tin (để đăng website);
- Các Tổ chức chứng nhận hợp quy (để th/hiện);
- Các Tổ chức kiểm định (để th/hiện);
- Lưu: VT, KHCN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thành Hưng

Phụ lục
DANH MỤC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

*(kèm theo Quyết định số 652 /QĐ-BTTTT ngày 07 tháng 6 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

1. Tên phòng đo kiểm được chỉ định:

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH VÀ CHỨNG NHẬN 2

Thuộc: CỤC VIỆN THÔNG

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức được quy định tại Quyết định số 1137/QĐ-BTTTT ngày 22/7/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định và Chứng nhận 2 trực thuộc Cục Viễn thông.

Địa chỉ: 60 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

2. Danh mục được chỉ định:

STT	Danh mục	Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật
1.	Sản phẩm viễn thông và CNTT	
1	Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng viễn thông công cộng qua giao diện tương tự hai dây	QCVN 19:2010/BTTTT QCVN 22:2010/BTTTT
2	Máy điện thoại không dây (loại kéo dài thuê bao)	QCVN 10:2010/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 19:2010/BTTTT QCVN 22:2010/BTTTT
3	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất công cộng	QCVN 12:2010/BTTTT ⁽²⁾ QCVN 13:2010/BTTTT ⁽³⁾ QCVN 15:2010/BTTTT ⁽⁴⁾
4	Thiết bị đầu cuối kết nối vào mạng viễn thông công cộng sử dụng kênh thuê riêng	QCVN 20:2010/BTTTT QCVN 21:2010/BTTTT QCVN 22:2010/BTTTT
5	Tổng đài điện tử PABX	QCVN 19:2010/BTTTT QCVN 22:2010/BTTTT
6	Thiết bị đầu cuối xDSL	QCVN 22:2010/BTTTT
7	Thiết bị truy nhập mạng	TCVN 8075:2009 TCVN 8690:2011 TCVN 8692:2011
8	Thiết bị truyền dẫn quang	QCVN 2:2010/BTTTT QCVN 7:2010/BTTTT
9	Thiết bị truyền dẫn viba số	QCVN 53:2011/BTTTT ⁽⁵⁾
10	Cáp sợi quang	TCVN 8665:2011 ⁽⁶⁾ TCVN 8696:2011 ⁽⁷⁾
11	Cáp thông tin kim loại	TCVN 8238:2009 ⁽⁸⁾ TCVN 8697:2011 ⁽⁹⁾ TCVN 8698:2011 ⁽¹⁰⁾
12	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến điện cố định hoặc lưu động mặt đất	QCVN 14:2010/BTTTT QCVN 16:2010/BTTTT QCVN 23:2011/BTTTT ⁽¹¹⁾ QCVN 25:2011/BTTTT ⁽¹¹⁾ QCVN 37:2011/BTTTT ⁽¹¹⁾

AL

STT	Danh mục	Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật
		QCVN 41:2011/BTTTT QCVN 42:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 43:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 44:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 45:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 46:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 48:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 49:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 54:2011/BTTTT QCVN 65:2013/BTTTT QCVN 66:2013/BTTTT (*)
13	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
14	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát thanh quảng bá	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
15	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho phát chuẩn (tần số, thời gian)	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
16	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho định vị và đo đạc từ xa (trừ thiết bị dùng ngoài khơi cho ngành dầu khí)	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 55:2011/BTTTT ⁽²⁾ (*)
17	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho thông tin vệ tinh (trừ các thiết bị lưu động dùng trong hàng hải và hàng không)	QCVN 40:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
18	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng hải (kể cả các thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)	QCVN 24:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 26:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 50:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 51:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 52:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 57:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 58:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 59:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 60:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 61:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 62:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
19	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện nghiệp dư	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 56:2011/BTTTT ⁽²⁾ (*)
20	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho nghiệp vụ lưu động hàng không (kể cả thiết bị trợ giúp, thiết bị vệ tinh)	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
21	Thiết bị Rada hàng không, hàng hải, khí tượng	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
22	Thiết bị vô tuyến dẫn đường	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ (*)
23	Thiết bị cảnh báo, điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến điện	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹⁾ QCVN 55:2011/BTTTT ⁽²⁾

ae

STT	Danh mục	Quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn, chỉ tiêu kỹ thuật
		(*)
24	Thiết bị nhận dạng bằng sóng vô tuyến điện	QCVN 47:2011/BTTTT ⁽¹¹⁾ QCVN 55:2011/BTTTT ⁽¹²⁾ (*)
II. Chất lượng dịch vụ viễn thông		
25	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất	QCVN 35:2011/BTTTT
26	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất	QCVN 36:2011/BTTTT
27	Dịch vụ truy nhập Internet ADSL	QCVN 34:2011/BTTTT
28	Dịch vụ điện thoại VoIP	TCVN 8068:2009
29	Dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng cố định	TCVN 8689:2011
30	Hệ thống báo hiệu trong mạng viễn thông	TCVN 8690:2011
III. Thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện		
31	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)	TCVN 3718-1:2005 QCVN 8:2010/BTTTT QCVN 9:2010/BTTTT ⁽¹³⁾ QCVN 32:2011/BTTTT
32	Hệ thống ghi cước tổng đài mạng viễn thông công cộng	QCVN 35:2011/BTTTT QCVN 36:2011/BTTTT
33	Đài phát thanh, đài truyền hình	TCVN 3718-1:2005 QCVN 9:2010/BTTTT ⁽¹³⁾ QCVN 32:2011/BTTTT

Ghi chú:

⁽¹⁾ Không áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 2.1.5, 2.1.6, 2.1.7, 2.2.4, 2.3.4 của QCVN 10:2010/BTTTT.

⁽²⁾ Không áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 2.2.11, 2.2.12, 2.2.13, 2.2.14 của QCVN 12:2010/BTTTT.

⁽³⁾ Không áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 2.3 của QCVN 13:2010/BTTTT.

⁽⁴⁾ Không áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 2.2.4, 2.2.10, 2.2.13 của QCVN 15:2010/BTTTT.

⁽⁵⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 2.1 và 2.2 của QCVN 53:2011/BTTTT.

⁽⁶⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 4.1.7, 4.1.8, 4.1.9, 4.2.6, 4.2.7, 4.2.8, 4.2.9 của TCVN 8665:2011.

⁽⁷⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 5.1.5, 5.1.6, 5.1.10, 5.2.5, 5.2.6, 5.2.10 của TCVN 8696:2011.

⁽⁸⁾ Không áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 3.1, 3.3 của TCVN 8238:2009.

⁽⁹⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 3.4, 3.5, 3.6 của TCVN 8697:2011.

⁽¹⁰⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại các mục: 5.1.10, 5.1.11, 5.1.12, 5.1.13, 5.1.14, 5.1.15, 5.1.16, 5.1.17, 5.1.18, 5.1.19, 5.1.21, 5.1.22, 5.2.4, 5.2.5, 5.2.6, 6.1.1, 6.1.2, 6.1.3, 6.1.4, 6.1.5, 6.1.6, 6.2 của TCVN 8698:2011.

⁽¹¹⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu về phổ tần vô tuyến: tần số hoạt động, sai số tần số, công suất, khoảng cách kênh, phát xạ giả.

⁽¹²⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu tần số và phát xạ giả.

⁽¹³⁾ Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật tại mục 2.1.3 của QCVN 9:2010/BTTTT.

(*): Áp dụng Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia. *ae*